

Bản án số: 154/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-10-2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Hữu Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ
2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Trần Minh L, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Th trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Trần Minh L kết hôn năm 2017, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 04/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L không chăm lo cho vợ con, thường xuyên cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường bất hòa, cự cãi. Bà và ông L không sống chung với nhau hơn 03 năm nên hiện bà không còn tình cảm với ông L. Nay bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông L.

- Về con chung: bà và ông Trần Minh L có một con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/9/2018. Hiện cháu Gia H đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

\* Tại biên bản hòa giải ngày 27/7/2022, quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Minh L trình bày:

- Về hôn nhân: ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Hồng Th về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn do điều kiện kinh tế của ông khó khăn nên năm 2018 bà Th về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ do điều kiện kinh tế nên vợ ông yêu cầu ly hôn, ông không có cớ bực gây nợ nần, không chăm lo gia đình như lời trình bày của bà Th. Ông xác định vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với bà Th.

- Về con chung: có một con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh năm 2018. Hiện cháu Gia H đang sống với bà Th, nếu Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn thì ông đồng ý để bà Th được quyền nuôi con chung, ông không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

\* Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn ông Trần Minh L, yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/9/2018, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ông Trần Minh L giữ nguyên lời trình bày trong quá trình tố tụng, không bổ sung gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân bà Nguyễn Thị Hồng Th được quyền ly hôn ông Trần Minh L, bà Nguyễn Thị Hồng Th được quyền nuôi con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/9/2018, ông L không phải cấp dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

*1.1 Quan hệ tranh chấp:* Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Trần

Minh L là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

*1.2 Thẩm quyền giải quyết:* Ông Trần Minh L đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

*2.1 Về hôn nhân:* bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Trần Minh L kết hôn năm 2017, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 04/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Th và ông L được đoàn tụ, nhưng bà Th cương quyết ly hôn, không đồng ý yêu cầu đoàn tụ của ông L. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân là dựa trên cơ sở tình cảm và sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau giữa vợ và chồng, tuy nhiên bà Th trình bày không còn tình cảm với ông L, hai bên không còn sống chung từ năm 2018 đến nay, ông L không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng từ khi không còn sống chung đến nay. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

*2.2 Về con chung:* bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Trần Minh L có một con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/9/2018. Bà Th có yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, ông L cũng đồng ý để bà Th được quyền nuôi con chung nếu Tòa án cho bà Th được ly hôn ông. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện cháu Gia H còn nhỏ để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của cháu Gia H nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th được quyền nuôi con chung.

*2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung:* bà Nguyễn Thị Hồng Th không yêu cầu ông Trần Minh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng.

*2.4 Về tài sản chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2.5 Về nợ chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[3] Về án phí sơ thẩm:* bà Nguyễn Thị Hồng Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*[4] Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Th.

1. *Về hôn nhân*: bà Nguyễn Thị Hồng Th được ly hôn ông Trần Minh L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 131 ngày 04/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Hồng Th được quyền nuôi con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 18/9/2018.

Ông Trần Minh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí sơ thẩm*: bà Nguyễn Thị Hồng Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004952 ngày 20/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. *Quyền kháng cáo*: bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Trần Minh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/10/2022).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Hữu Phúc**